

Bản án số: 83/2024/DS-ST

Ngày 30/7/2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giang Thành

Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: tham gia phiên tòa có bà Trần Phương Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Tấn P, sinh năm 1940 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Tấn P là bà Dương Thị T – thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Tấn C, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị Kim T1, sinh năm 1968 (có mặt)

3.2. Bà Đỗ Kim P1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3.3. Ông Đỗ Tấn T2, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bà Đỗ Thúy T3, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Đỗ Kim T4, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T5 – Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Minh K – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Kiên Giang (Ông K vắng mặt)

3.7. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1975 và bà Trần Thị P2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Ông H, bà P2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung khởi kiện ngày 01/6/2022 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2023, nguyên đơn ông Đỗ Tấn P trình bày như sau:*

Ông và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Ông bà sinh được 06 người con gồm: Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông P và bà B tạo lập được diện tích đất sản xuất nông nghiệp 21.890m² đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 6. Đất tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, được UBND huyện H cấp ngày 03/7/2003 đứng tên ông Đỗ Tấn P. Nguồn gốc thửa đất này do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Kim C1. Theo đo đạc thực tế thì có diện tích là 23.098,1m² đất.

Do bà B bị bệnh nặng nên ngày 20/01/2022 đã qua đời. Sau khi bà B chết, ông có bàn bạc với các con bán 1 phần đất để trang trải nợ nần nhưng Đỗ Tấn C can ngăn, không cho bán.

Ông xét thấy bản thân đã tuổi cao, sức yếu và việc bàn bạc trong gia đình không có kết quả. Đồng thời để tránh tình trạng tranh chấp nội bộ về sau và gây ảnh hưởng đến tình cảm anh, em trong gia đình sau này. Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Đối với diện tích $23.098,1\text{m}^2$ đất (theo đo đạc thực tế): Ông P yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất này bằng 11.549m^2 đất vì đây là tài sản chung của ông và bà B. Còn diện tích 11.549m^2 đất là di sản thừa kế của bà B.

Đối với 11.549m^2 đất là di sản thừa kế của bà B: Ông P yêu cầu chia làm 7 phần cho hàng thừa kế thứ nhất của bà B gồm có ông và 06 người con, mỗi người được hưởng 1 phần là $11.549\text{m}^2 : 7 = 1.649,8\text{m}^2$ đất.

Như vậy tổng của ông P yêu cầu được nhận là $11.549\text{m}^2 + 1.649,8\text{m}^2 = 13.198,8\text{m}^2$ đất.

Đồng thời ông P yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất 21.890m^2 (đo đạc thực tế là $23.098,1\text{m}^2$) và đồng ý hoàn lại theo giá thị trường cho các con theo phần được hưởng thừa kế.

** Bị đơn ông Đỗ Tấn C trình bày:*

Ông thừa nhận diện tích 21.890m^2 đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông tên Đỗ Tấn P và Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng lại của bà C1. Khi còn sống mẹ ông có nói phần đất ruộng này sau này sẽ chia cho các con mỗi đứa 02 công.

Nay bà Nguyễn Thị B đã chết, cha ông muốn bán phần đất này, ý kiến ông là động viên ông P để phần đất này lại tiếp tục cho thuê lấy tiền dưỡng già, vì hiện nay ông P vẫn là người đang cho thuê và nhận tiền thuê hàng năm. Sau này nếu ông P có bệnh gì thì mới bán đất lấy tiền chữa bệnh và chăm sóc cho cha. Nếu cha ông bán bây giờ thì sợ sau này cha bệnh không còn tiền lo cho cha.

Ông đồng ý việc nếu cha ông bán cho ai thì ông sẽ ký cho bán và ông P thôi tiền lại theo phần cho ông, chứ bây giờ ông không đồng ý giao đất cho cha.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Kim T4 và bà Đỗ Thúy T3 trình bày:*

Bà T1 và bà T3 đều thống nhất với trình bày của ông Đỗ Tấn C, phần đất nên giữ lại để ông P cho thuê lấy tiền dưỡng già. Nếu ông P vẫn kiên quyết chia thì ông P phải chia cho mỗi người con 02 công theo đúng ý nguyện của bà B khi còn sống.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Kim T1, bà Đỗ Kim P1 và ông Đỗ Tấn T2 trình bày:*

Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P. Nguồn gốc đất này là của cha mẹ nên cha mẹ cho bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thành H trình bày:*

Ông là người đang thuê phần đất ruộng ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang của ông Đỗ Tấn P. Ông P là người đứng ra cho thuê và nhận tiền thuê hàng năm. Việc thuê đất hai bên không có lập giấy tờ gì, chỉ thoả thuận miệng, thời hạn thuê là 01 năm, cứ hết năm lại thuê tiếp, tiền thuê ông P nhận một lần vào đầu năm. Nay ông không có ý kiến gì, nếu hết thời hạn thuê mà cha con ông P không cho thuê nữa thì ông trả lại đất.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Đỗ Tấn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nếu các con ông có nhu cầu nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thì ông đồng ý chia theo đất.

- Ông Đỗ Tấn C, bà Đỗ Kim T4, bà Đỗ Thúy T3 có yêu cầu được nhận di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

- Bà Đỗ Thị Kim T1, bà Đỗ Kim P1 và ông Đỗ Tấn T2 có yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất.

- Bà Dương Thị T – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Tấn P phát biểu quan điểm: Diện tích 21.890m² đất (đo đạc thực tế là 23.098,1m² đất) tại thửa số 28, tờ bản đồ số 6. Đất tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2003 đứng tên ông Đỗ Tấn P là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà B, do đó ông P được quyền sử dụng ½ tài sản chung bằng 11.549m² đất là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2013. Bà B chết không để lại di chúc nên việc ông P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà B là đúng pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 21.890m² đất tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang là của ông Đỗ Tấn P và bà Nguyễn Thị B tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Bà B chết không để lại di chúc. Do đó ông P khởi

kiện yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Minh K – người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện H; bà Đỗ Kim P1, ông Nguyễn Thành H và bà Trần Thị P2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà này.

- Bà Nguyễn Thị B chết ngày 20/01/2022. Đến ngày 01/6/2022 ông Đỗ Tấn P (chồng bà B) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Yêu cầu của ông P nằm trong thời hiệu được quy định tại Điều 648 **Bộ luật dân sự năm 2015** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất quy định tại Khoản 5 Điều 26; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu được công nhận 1/2 tài sản chung với bà Nguyễn Thị B, HĐXX nhận định:

Ông Đỗ Tấn P và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Vào năm 2003, ông bà nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Kim C1 diện tích đất nông nghiệp 21.890m² đất tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ngày 03/7/2003 ông P được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 185-2023 ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H xác định diện tích đo đạc thực tế là 23.098,1m² đất, nhiều hơn so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.208,1m² đất. Đối với phần diện tích đất tăng thêm 1.208,1m², do phần này nằm trong tổng diện tích đất ông P đã quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2003 đến nay, có bờ mẩu rõ ràng và các hộ giáp ranh không có ai tranh chấp nên việc công nhận phần diện tích tăng lên cho đương sự là phù hợp với các quy định của pháp luật đất đai. Như vậy, HĐXX xác định diện tích theo đo đạc thực tế 23.098,1m² đất (trong đó có 273,8m² thuộc phạm vi BVCT thủy lợi) là tài sản chung của ông P và bà B.

Trong thời gian thụ lý và tại phiên tòa hôm nay, các người con của ông P đều thừa nhận phần đất tranh chấp là tài sản do ông P và bà B tạo lập. Do đó, ông P yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình. Cụ thể: Ông P được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc tài sản chung giữa ông với bà B là $23.098,1m^2 : 2 = 11.549,0m^2$ đất. Có tứ cận cụ thể như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Nguyễn Thành H đo qua là 27,07m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Nguyễn Văn S đo qua là 29,93m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Nguyễn Thành H, ông Phan Văn L, ông Nguyễn Văn S cạnh 1-2-3-4-5-6-7 có chiều dài là $417,88m^2$.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại là di sản thừa kế của bà B có chiều dài là 418,08m.

* Đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại $11.549,0m^2$ là di sản thừa kế của bà B sẽ được chia theo pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị B, HĐXX nhận định:

Ông Đỗ Tấn P và các con ông đều thừa nhận bà B chết không để lại di chúc. Do đó việc ông P yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà B là có cơ sở để chấp nhận.

Di sản thừa kế của bà B là diện tích $11.549,0m^2$ đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 974181 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/7/2003 đứng tên ông Đỗ Tấn P. Đất tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Xét hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị B: Cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Văn N, đã chết năm 1973 và bà Lê Thị P3, đã chết năm 1988. Ông Đỗ Tấn P và bà Nguyễn Thị Bảy S1 được 06 người con chung gồm Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C. Ngoài ra, bà B không có cha mẹ nuôi, không có con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà B gồm 07 người là: ông Đỗ Tấn P và 06 người con gồm Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C.

Xét việc phân chia di sản thừa kế: Không có ai trong hàng thừa kế thứ nhất của bà B từ chối nhận di sản thừa kế hoặc nhường lại kỷ phần của mình cho các đồng thừa kế khác. Do đó, di sản của bà B sẽ được chia đều cho 7 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là $11.549,0m^2 : 7 = 1.649,9m^2$. (làm tròn).

Tại phiên toà ông Đỗ Tấn C, bà Đỗ Kim T4, bà Đỗ Thúy T3 yêu cầu nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất. Do đó:

* Chia cho ông Đỗ Tấn C 1 kỷ phần tương đương diện tích đất $1.649,9m^2$, có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Bùi Văn L1 đo qua là 3,76m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Bùi Văn L1 đo qua là 4,72m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Bùi Văn L1 cạnh 8-9-10-11 có chiều dài là 419,07m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

* Chia cho bà Đỗ Kim T4 1 kỷ phần tương đương diện tích đất $1.649,9m^2$, có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc ông Đỗ Tấn C được chia đo tiếp qua là 3,95m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc ông Đỗ Tấn C được chia đo tiếp qua là 3,94m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Đỗ Tấn C được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

* Chia cho bà Đỗ Thúy T3 1 kỷ phần tương đương diện tích đất $1.649,9m^2$, có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Kim T4 được chia đo tiếp qua là 3,95m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Kim T4 được chia đo tiếp qua là 3,94m.

- 01 cạnh giáp với đất bà Đỗ Kim T4 được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

* Tại phiên toà, ông Đỗ Tấn T2, bà Đỗ Kim P1, bà Đỗ Thị Kim T1 có yêu cầu được nhận thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất. Do đó, chia cho ông Đỗ Tấn P 4 kỷ phần (trong đó 1 kỷ phần của ông P, 1 kỷ phần của ông T2, 1 kỷ phần của bà P1, 1 kỷ phần của bà T1) tương đương diện tích đất $1.649,9m^2 \times 4 = 6.599,6m^2$, có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Thúy T3 được chia đo tiếp qua là 15,81m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Thúy T3 được chia đo tiếp qua là 15,78m.

- 01 cạnh giáp với đất bà Đỗ Thúy T3 được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất ông Đỗ Tấn P được chia tài sản chung với bà B có chiều dài là 418,08m.

* Căn cứ vào chứng thư định giá của Công ty TNHH MTV B1 vàng Kiên Giang: Ông P có trách nhiệm hoàn lại giá trị kỷ phần cho ông T2, bà P1, bà T1 được hưởng, mỗi người là $1.649,9m^2 \times 90.000đ/m^2 = 148.491.000$ đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

* Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

* Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Ông Đỗ Tấn P là người cao tuổi, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên miễn tiền án phí cho ông P.

- Bà Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được hưởng là $148.491.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.424.500$ đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bản vẽ và định giá tài sản 14.772.000 đồng được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của bà B, mỗi người phải chịu 2.110.000 đồng. Ông P đã ứng trước số tiền này nên các ông bà Đỗ Thị Kim T1,

Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông P số tiền 2.110.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 66 Luật hôn nhân gia đình năm 2013; các Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn P về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo pháp luật.

2. Công nhận diện tích theo đo đạc thực tế 23.098,1m² đất tại thửa số 28, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 974181 ngày 03/7/2003 đứng tên ông Đỗ Tấn P là tài sản chung của ông Đỗ Tấn P và bà Nguyễn Thị B. Đất tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chia cho ông Đỗ Tấn P ½ tài sản chung bằng diện tích 11.549,0m² đất, có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Nguyễn Thành H đo qua là 27,07m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Nguyễn Văn S đo qua là 29,93m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Nguyễn Thành H, ông Phan Văn L, ông Nguyễn Văn S cạnh 1-2-3-4-5-6-7 có chiều dài là 417,88m.

- 01 cạnh giáp với phần đất là di sản thừa kế của bà B có chiều dài là 418,08m.

3. Công nhận diện tích đất còn lại 11.549,0m² tại thửa số 28, tờ bản đồ số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 974181 ngày 03/7/2003 đứng tên ông Đỗ Tấn P là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị B.

3.1. Chia cho ông Đỗ Tấn C 1 kỷ phần tương đương diện tích đất 1.649,9m², có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Bùi Văn L1 đo qua là 3,76m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ ranh đất giáp ông Bùi Văn L1 đo qua là 4,72m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Bùi Văn L1 cạnh 8-9-10-11 có chiều dài là 419,07m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

3.2. Chia cho bà Đỗ Kim T4 1 kỷ phần tương đương diện tích đất 1.649,9m², có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc ông Đỗ Tấn C được chia đo tiếp qua là 3,95m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc ông Đỗ Tấn C được chia đo tiếp qua là 3,94m.

- 01 cạnh giáp với đất ông Đỗ Tấn C được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

3.3. Chia cho bà Đỗ Thúy T3 1 kỷ phần tương đương diện tích đất 1.649,9m², có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Kim T4 được chia đo tiếp qua là 3,95m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Kim T4 được chia đo tiếp qua là 3,94m.

- 01 cạnh giáp với đất bà Đỗ Kim T4 được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất còn lại có chiều dài là 418,08m.

3.4. Chia cho ông Đỗ Tấn P 4 kỷ phần tương đương diện tích đất 6.599,6m², có tứ cận như sau:

- 01 cạnh mặt tiền giáp Kênh 3000: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Thúy T3 được chia đo tiếp qua là 15,81m.

- 01 cạnh mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Văn S: có chiều ngang tính từ điểm mốc bà Đỗ Thúy T3 được chia đo tiếp qua là 15,78m.

- 01 cạnh giáp với phần đất bà Đỗ Thúy T3 được chia có chiều dài là 418,08m.

- 01 cạnh giáp với phần đất ông Đỗ Tấn P được chia tài sản chung với bà B có chiều dài là 418,08m.

(Theo Tờ Trích đo địa chính số: TĐ 185 – 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ngày 21/8/2023)

3.5. Ông Đỗ Tấn P có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho ông Đỗ Tấn T2, bà Đỗ Kim P1, bà Đỗ Thị Kim T1, mỗi người số tiền là 148.491.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền quản lý Nhà nước về đất đai để được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia theo Quyết định của Tòa án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Tấn P được miễn tiền án phí.

- Các ông bà Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 5% trên giá trị di sản thừa kế được hưởng là 7.424.500 đồng (Bảy triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác: Các ông bà Đỗ Thị Kim T1, Đỗ Thúy T3, Đỗ Kim P1, Đỗ Kim T4, Đỗ Tấn T2, Đỗ Tấn C mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đỗ Tấn P số tiền 2.110.000 đồng (Hai triệu, một trăm mười nghìn đồng).

7. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc